

**TÒA ÁN ND TP.BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **256/2024/HS-ST**

Ngày: 27-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Khánh Loan

2. Ông Lê Hoàng Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Sỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Hữu C**, sinh năm 1995, tại T; Nơi thường trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: tổ 41A, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Họ tên cha: Trịnh Hữu T, sinh năm 1966; Họ tên mẹ: Lê Thị H (đã chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ tên Hồ Thị L, sinh năm 2001 và có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26/9/2014, bị Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 53/2014/HSST.

- Ngày 15/9/2015, bị Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 42 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo Bản án số 175/2015. Bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 08/02/2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19/12/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 103/LG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Quốc T (Phạm Văn T)**, sinh năm 1974, tại T; Nơi thường trú: xã T, huyện Y, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Tổ 4, khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Họ tên cha: Phạm Quốc K (đã chết); Họ tên mẹ: Đinh Thị L, sinh năm 1946; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ: Mai Thị A, sinh năm 1980 (đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2000; Hiện bị cáo sống như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) với chị Hà Thị Tuyết M, sinh năm 1977 và có 02 con chung sinh năm 2010 và năm 2012.

Tiền án:

- Ngày 26/4/2013, bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 36 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Bản án số 25/2013/HSST). Bị cáo chưa chưa thi hành nộp số tiền 158.000.000đ thu lợi bất chính để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Ngày 10/10/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 101/2022/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/5/2023.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/11/2018, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 454/2018/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù 04/11/2019, nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào ngày 11/10/2021 và đóng án phí ngày 15/6/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19/12/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 102/LG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Văn Trắng S**, sinh năm 1976 (tên gọi khác: không), tại Đ;

Nơi thường trú: 536/24, tổ 1, khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Họ tên cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1938 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1941 (đã chết); Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Bị cáo có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1979, có 02 con sinh năm 2000 và sinh năm 2003;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 30/10/2023, bị Uỷ ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000đ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo nộp phạt ngày 03/01/2024.

Nhân thân:

- Ngày 21/12/1994, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 243/1994/HSST. Bị cáo chấp hành xong án tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà, chấp hành xong án phí vào tháng 11/1995;

- Ngày 14/4/1999, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 107/1999/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/1999, và án phí ngày 01/12/2008

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19/12/2023 đến ngày 09/01/2024. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 50A5, khu dân cư Q, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Trịnh Hữu C, Trần Văn Trắng S và Phạm Quốc T quen biết với nhau và đều là các đối tượng không có nghề nghiệp. Do muốn có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Khoảng 02 giờ ngày 18/12/2023, bị cáo S đi đến phòng trọ gặp bị cáo C, C rủ S đi đến khu dân cư Q thuộc khu phố 11, phường T, thành phố B để trộm cắp tài sản thì bị cáo S đồng ý. Bị cáo C mang theo 01 kìm cộng lực dài 80 cm và điều khiển xe mô tô Dream không có biển số, gắn rơ móc tự chế phía sau chở bị cáo S đến kios số 4 (kho hàng) thuộc khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ do anh Nguyễn Đăng T làm chủ thì phát hiện trong kho có nhiều dây cáp đồng, không có người trông coi. Bị cáo S đứng bên ngoài cảnh giới, bị cáo C sử dụng kìm cộng lực cắt song cửa sổ chui vào bên trong kios mở cửa chính rồi cả hai lén lút chiếm đoạt nhiều loại dây cáp điện gồm: 01 đoạn dây điện dài 7,5m, loại cáp điện CV 300mm², khối lượng 20kg; 22 đoạn, loại không có vỏ nhựa, dài 18,30m, khối lượng 45kg; 25 đoạn, loại dây cáp điện CV 240mm², không có vỏ nhựa dài 18,85m, khối lượng 44kg; 31 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm², dài 24,45m, khối lượng 40kg; 01 cuộn cáp điện C10mm², có khối lượng 20kg; 01 đoạn dây điện CVV 4x2,5 mm², dài 41m. Sau đó các bị cáo C và S chuyển số dây cáp điện nêu trên lên rơ móc tự chế và điều khiển xe mô tô Dream không có biển số, gắn rơ móc chở về phòng trọ của bị cáo C tại địa chỉ tổ 41A, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ cất giấu, sau đó bị cáo S bỏ đi về.

Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, do bị cáo C thấy tại kho hàng nêu trên vẫn còn nhiều tài sản có giá trị nên bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô Dream không có biển số, gắn rơ móc tự chế quay lại kios để tiếp tục trộm cắp tài sản. Trên đường đi thì bị cáo gặp bị cáo T đang ngồi trên lề đường, và rủ bị cáo T cùng đi trộm cắp, thì T đồng ý. Bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, biển số: 92G1-16117 đi cùng bị cáo C về phòng trọ để bị cáo C cắt xe mô tô Dream không có biển số, gắn rơ móc. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số: 92G1-16117 chở bị cáo C đến kios số 4 nêu trên và tiếp tục lấy trộm 03 đoạn dây điện CV 300mm², dài 9,9m (mỗi đoạn dài 5,2m, 2,9m và 1,8m), khối lượng 28kg; 03 đoạn dây điện CV 150mm² dài tổng 4,1m (mỗi đoạn dài 1,5m, 1,5m và 1,1m), khối lượng 7kg; 65 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV

150mm², dài 46m, khối lượng 53kg rồi mang về phòng trọ của bị cáo T tại tổ 4, khu phố 2A, phường T, thành phố B. Sau đó cả hai gọt vỏ dây cáp điện và cắt thành từng đoạn nhỏ để dễ tiêu thụ.

Khoảng 08 giờ ngày 18/12/2023, anh Nguyễn Đăng T phát hiện mất tài sản nên đã trình báo Công an phường Tân Phong, thành phố Biên Hoà lập hồ sơ và đưa các bị cáo C, S, T về làm việc, tạm giữ tang vật và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án:

- 01 đoạn dây điện CV 300mm²; 22 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 300mm²; 25 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 240mm²; 31 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm²; 01 cuộn cáp điện C10mm²; 01 đoạn dây điện CVV 4x2,5 mm²; 03 đoạn dây điện CV 300mm²; 03 đoạn dây điện CV 150mm²; 65 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm², đã trả lại cho bị hại Nguyễn Đăng Thao.

- 01 kìm cộng lực, dài 80cm, 01 con dao cán gỗ, dài khoảng 40cm, 01 con dao cán sắt, dài khoảng 40cm dùng để rọc vỏ dây điện. Đây là công cụ mà các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 kìm sắt dài 40cm. Kết quả điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của bị cáo Trịnh Hữu C, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo C.

- 01 xe mô tô, kiểu Dream, có số máy 1P50FMG*10000545* có gắn 01 rơ mooc tự chế. Đây là phương tiện mà bị cáo Trịnh Hữu C sử dụng vào việc phạm tội. Bị cáo C khai mua xe mô tô trên để dùng vào việc chở phế liệu, quá trình sử dụng đã bị rơi mất biển số và mất giấy tờ xe. Kết quả xác minh, tra cứu xe không có dữ liệu, không xác định được nguồn gốc, xe không thuộc trường hợp vật chứng trộm cắp.

- 01 xe mô tô, kiểu Yamaha, màu đỏ, biển số: 92G1-16117, số máy VLFFM1P52FMH-3 4M100410, số khung VFMPCH074FM 000391. Đây là phương tiện của bị cáo Phạm Quốc T sử dụng để phạm tội. Kết quả xác minh xe do Từ Văn T, sinh năm 1997, ngụ tại ấp D, xã Q, huyện Q, tỉnh Q đứng tên đăng ký. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa chưa làm việc được với Từ Văn T nên tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- 01 USB hiệu Trancend, màu đen, chứa dữ liệu điện tử ghi nhận diễn biến vụ án, được lưu giữ tại hồ sơ.

*Tại Kết luận định giá tài sản số 695/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa kết luận:

- Số tài sản các bị cáo Trịnh Hữu C và Trần Văn Trắng S trộm cắp có trị giá 41.297.962đ (Bốn mươi một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể:

- + 01 đoạn dây điện CV 300mm² có trị giá 5.025.000 đồng;
- + 22 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 300mm² có trị giá 12.261.000 đồng;
- + 25 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 240mm² có trị giá 9.395.217 đồng;
- + 31 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm² có trị giá 7.657.251 đồng;

+ 01 cuộn cáp điện C10mm² có trị giá 5.524.494 đồng;
+ 01 đoạn dây điện CVV 4x2,5 mm² có trị giá 1.435.000 đồng;
- Số tài sản các bị cáo Trịnh Hữu C và Trịnh Văn T trộm cắp có trị giá 22.323.318đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi ba ngàn ba trăm mười tám đồng), cụ thể:

+ 03 đoạn dây điện CV 300mm² có giá trị 6.633.000 đồng;
+ 03 đoạn dây điện CV 150mm² có giá trị 1.284.038 đồng;
+ 65 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm² có giá trị 14.406.280 đồng
Tổng trị giá hai lần trộm cắp là **63.621.280đ** (Sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Đăng T đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị trộm cắp nên anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 202/CT-VKSBBH ngày 04 tháng 4 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo:

- Trịnh Hữu C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Phạm Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Trần Văn Trắng S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo điều khoản và tội danh như trên.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Hữu C phạm tội 02 lần trở lên nên phạm vào tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản do các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

Bị cáo Trịnh Hữu C mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Phạm Quốc T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Bị cáo Trần Văn Trắng S mức án từ 14 tháng đến 18 tháng tù.

Các bị cáo không phát biểu bào chữa cho mình và cũng không yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu khác ngoài những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án ra xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Trăng S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo Trần Văn Trăng S và bị hại anh Nguyễn Đăng T không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án trên.

[3] Về hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, vào khoảng 02 giờ, ngày 18/12/2023, tại Kios số 4, thuộc khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ do anh Nguyễn Đăng T làm chủ, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, các bị cáo Trịnh Hữu C, Phạm Quốc T và Trần Văn Trăng S đã có hành vi trộm cắp tài sản.

Trong đó, bị cáo Trịnh Hữu C có 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các đoạn dây điện có tổng giá trị tài sản là 63.621.280đ (Sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Bị cáo Phạm Quốc T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các đoạn dây điện cùng với bị cáo C có giá trị tài sản là 22.323.318đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm mười tám đồng).

Bị cáo Trần Văn Trăng S là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các đoạn dây điện cùng với bị cáo C có giá trị tài sản là 41.297.962đ (Bốn một triệu hai trăm chín bảy nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng)

[4] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai nhân chứng cùng các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo như sau:

- Bị cáo Trịnh Hữu C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phạm Quốc T có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Trần Văn Trăng S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo là đồng phạm giản đơn nên không xem xét tính chất phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo. Trong đó, bị cáo C là người rủ rê nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

[6] Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo S có hoàn cảnh gia đình khó khăn, và đang nhiễm HIV giai đoạn cuối, sức khỏe suy yếu nên Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Bị cáo C phạm tội 02 lần trở lên nên phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T và bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản do các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Anh Nguyễn Đăng T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 đoạn dây điện CV 300mm²; 22 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 300mm²; 25 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 240mm²; 31 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm²; 01 cuộn cáp điện C10mm²; 01 đoạn dây điện CVV 4x2,5 mm²; 03 đoạn dây điện CV 300mm²; 03 đoạn dây điện CV 150mm²; 65 đoạn dây điện không có vỏ nhựa CV 150mm², đã trả lại cho anh Đặng Văn T là chủ sở hữu là phù hợp.

- 01 kim sắt dài 40cm, đây là tài sản cá nhân của bị cáo Trịnh Hữu C, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo C là phù hợp.

- 01 xe mô tô, kiểu Yamaha, màu đỏ, biển số: 92G1-16117, số máy VLFFM1P52FMH-3 4M100410, số khung VFMPCH074FM 000391. Đây là phương tiện của bị cáo T sử dụng để phạm tội. Kết quả xác minh xe do Từ Văn T, sinh năm 1997, ngụ tại ấp D, xã Q, huyện Q, tỉnh Q đứng tên đăng ký. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa chưa làm việc được với Từ Văn T nên tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- 01 USB hiệu Trancend, màu đen, chứa dữ liệu điện tử ghi nhận diễn biến vụ án, được lưu giữ tại hồ sơ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 kiềm cộng lực dài 80cm, 01 con dao cán gỗ dài 40cm, 01 con dao cán sắt dài khoảng 40cm dùng để rọc vỏ dây điện, là công cụ bị cáo các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Dream, có số máy 1P50FMG*10000545 phía sau có gắn romooc tự chế là phương tiện bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Đối với phần trình bày của các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, áp dụng đối với bị cáo **Trịnh Hữu C.**

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 áp dụng đối với bị cáo **Phạm Văn T.**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 áp dụng đối với bị cáo **Trần Văn Trắng S.**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Trịnh Hữu C, Phạm Quốc T và Trần Văn Trắng S** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Trịnh Hữu C: 03 (Ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt, tạm giữ ngày 19/12/2023.

Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc T: 02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ ngày 19/12/2023.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Trắng S: 14 (Mười bốn)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ trước đó (từ ngày 19/12/2023 đến ngày 09/01/2024).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 kiềm cộng lực dài 80cm, 01 con dao cán gỗ dài 40cm, 01 con dao cán sắt dài khoảng 40cm dùng để rọc vỏ dây điện, là công cụ bị cáo các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Dream, có số máy 1P50FMG*10000545 phía sau có gắn romooc tự chế là phiên tiện bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí: Các bị cáo Trịnh Hữu C, Phạm Quốc T và Trần Văn Trắng S, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trịnh Hữu C, Phạm Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Trần Văn Trắng S và bị hại anh Nguyễn Đăng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Biên Hòa;
- T.H.A Hình sự;
- Nhà tạm giữ - CA TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp